

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính đã được sửa đổi, bãi bỏ; phê duyệt sửa đổi quy trình nội bộ thực hiện các thủ tục hành chính của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3522/QĐ-BNN-TY ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số Quyết định số 3573/QĐ-BNN-BVTV ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 203/TTr-SNN ngày 30 tháng 9 năm 2022 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính đã được sửa đổi, bãi bỏ; phê duyệt sửa đổi quy trình nội bộ thực hiện các thủ tục hành chính của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum, cụ thể:

1. Công bố Danh mục 03 thủ tục hành chính đã được sửa đổi và 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh (*Có Phụ lục số 01 kèm theo*).

2. Phê duyệt sửa đổi 02 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum (*Có Phụ lục số 02 kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân công cán bộ, công chức, viên chức thực hiện các bước xử lý công việc quy định tại các quy trình nội bộ ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với các đơn vị có liên quan thiết lập cấu hình điện tử; đồng thời, tổ chức thực hiện việc cập nhật thông tin, dữ liệu về tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, trả kết quả thủ tục hành chính lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và:

1. Sửa đổi thủ tục hành chính số 5, khoản V, Mục A phụ lục kèm theo Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính Nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Sửa đổi thủ tục hành chính: số 1, 2, Khoản III; bãi bỏ thủ tục hành chính số 3, Khoản II tại Mục A phụ lục 01 kèm theo Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ thực hiện các thủ tục hành chính của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

3. Thay thế quy trình số 31, 32 phụ lục 02 kèm theo Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ thực hiện các thủ tục hành chính của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (*để t/hiện*);
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (*để b/cáo*);
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố (*để t/hiện*);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Viễn thông Kon Tum (*để p/hợp*);
- Lưu: VT, TTHCC._{.LTLH}.

CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Tuấn

Phụ lục số 01:

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI

| STT | Mã số TTHC | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Cách thức thực hiện | | |
|----------|----------------------------------|---|--|-----------------------------------|--------------------------|---|---------------------|------------|--------------------|
| | | | | | | | Trực tiếp | Trực tuyến | Bưu chính công ích |
| I | Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật | | | | | | | | |
| 1 | 1.004363.00 0.00.00.H34 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật | - 19 ngày làm việc - Thời gian khắc phục nếu cơ sở chưa đủ điều kiện là 60 ngày | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Phí: 800.000 đồng/lần | - Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13. - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính. | x | Mức độ 3 | x |

| | | | | | | | | | |
|---|----------------------------|---|---|-----------------------------------|--------------------------|--|---|----------|---|
| | | | | | | - Thông tư số 11/2022/TT-BNNPTNT, ngày 20/09/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. | | | |
| 2 | 1.004346.00 0.00.00.H34 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật | -19 ngày làm việc - Thời gian khắc phục nếu cơ sở chưa đủ điều kiện là 60 ngày | Trung tâm Phục vụ hành chính công | Phí: 800.000 đồng/lần | - Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13. - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 11/2022/TT-BNNPTNT, ngày 20/09/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. | x | Mức độ 3 | x |

| | | | | | | | | | |
|----|----------------------------|--|---|--|---|--|---|----------|---|
| 03 | 1.007931.00 0.00.00.H34 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón | + 13 ngày làm việc đủ hồ sơ (không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức cá nhân) | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Phí thẩm định: 500.000 đồng/ 01 cơ sở/lần. | - Luật Trồng trọt 2018; - Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính. | x | Mức độ 3 | x |
|----|----------------------------|--|---|--|---|--|---|----------|---|

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ: 01 TTHC

| TT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Ghi chú |
|----------|------------------------|--|---------|
| I | Lĩnh vực Thú y | | |
| 1 | 1.001094.000.00.00.H34 | Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm. | |

Phụ lục số 02:

**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA
NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

PHẦN I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Danh mục quy trình nội bộ

| TT | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Ghi chú |
|-----------|---|----------------|
| I | Bảo vệ thực vật | |
| 1 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật | |
| 2 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật | |

PHẦN II
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Quy trình số 01:

Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

| Trình tự thực hiện | Nội dung công việc | Trách nhiệm thực hiện | Thời gian thực hiện (ngày/ngày làm việc) | Kết quả/sản phẩm |
|--------------------|---|---|--|--|
| Bước 1 | <p>1.1. Kiểm tra, xác thực tài khoản điện tử: Kiểm tra tài khoản của cá nhân, tổ chức. Trường hợp tổ chức, cá nhân chưa có tài khoản thì tạo hoặc hướng dẫn đăng ký trên Cổng DVCQG. (<i>Lưu ý: Trường hợp ủy quyền thì đăng ký tài khoản của người ủy quyền</i>).</p> <p>1.2. Số hóa hồ sơ TTHC: + Kiểm tra dữ liệu điện tử của các thành phần hồ sơ. + Phân loại thành phần hồ sơ cần số hóa. + Scan hoặc sao chụp chuyển thành tệp tin trên hệ thống + Ký số tài liệu để chuyển cho bộ phận xử lý.</p> | Công chức, nhân viên tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tình | ¼ ngày làm việc | Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả/phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ/phiếu kiểm soát quy trình giải quyết hồ sơ (<i>kèm theo toàn bộ hồ sơ</i>). Hồ sơ được số hóa tại bước tiếp nhận |
| Bước 2 | Phân công xử lý | Lãnh đạo Phòng Thanh tra – pháp chế | ½ ngày làm việc | Phiếu kiểm soát quy trình giải quyết hồ sơ (<i>kèm theo toàn bộ hồ sơ của TTHC</i>) |
| Bước 3 | Xem xét, thẩm định hồ sơ | Chuyên viên phòng Thanh tra – pháp chế | 17 ngày làm việc | <p>-<i>Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ:</i> Phiếu yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đầy đủ, Phiếu kiểm soát quy trình giải quyết hồ sơ (<i>kèm theo toàn bộ hồ sơ</i>)</p> <p>- <i>Trường hợp hồ sơ đầy đủ:</i> Công nhận kết quả thẩm định, thông báo kết quả thẩm định đạt yêu cầu tới cơ sở, Giấy chứng nhận</p> |

| | | | | |
|---------------|---|-------------------------------------|-----------------|--|
| | | | | <p>cơ sở đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV/ Thông báo cơ sở không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV/ thông báo hoặc văn bản xin lỗi đến tổ chức, cá nhân (<i>nếu hồ sơ quá hạn</i>), Phiếu kiểm soát quy trình giải quyết hồ sơ.</p> |
| Bước 4 | Xem xét, trình lãnh đạo cơ quan phê duyệt | Lãnh đạo phòng Thanh tra – pháp chế | ½ ngày làm việc | <p>Công nhận kết quả thẩm định, thông báo kết quả thẩm định đạt yêu cầu tới cơ sở, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV/ Thông báo cơ sở không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV/ thông báo hoặc văn bản xin lỗi đến tổ chức, cá nhân (<i>nếu hồ sơ quá hạn</i>), Phiếu kiểm soát quy trình giải quyết hồ sơ</p> |
| Bước 5 | Phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính | Lãnh đạo đơn vị | ½ ngày làm việc | <p>Công nhận kết quả thẩm định, thông báo kết quả thẩm định đạt yêu cầu tới cơ sở, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV/ Thông báo cơ sở không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV/ thông báo hoặc văn bản xin lỗi đến tổ chức, cá nhân (<i>nếu hồ sơ quá hạn</i>), Phiếu kiểm soát quy trình giải quyết hồ sơ</p> |
| Bước 6 | Chuyển kết quả giải quyết thủ tục hành chính | Văn thư | ¼ ngày làm việc | <p>Công nhận kết quả thẩm định, thông báo kết quả thẩm định đạt yêu cầu tới cơ sở, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV/ Thông báo cơ sở không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận cơ sở</p> |

| | | | | |
|--|---|---|----------------------------|---|
| | | | | đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV/ thông báo hoặc văn bản xin lỗi đến tổ chức, cá nhân (<i>nếu hồ sơ quá hạn</i>), Phiếu kiểm soát quy trình giải quyết hồ sơ |
| Bước 7 | Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và thu phí, lệ phí theo quy định | Công chức, nhân viên tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Theo phiếu hẹn trả kết quả | Công nhận kết quả thẩm định, thông báo kết quả thẩm định đạt yêu cầu tới cơ sở, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV/ Thông báo cơ sở không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV/ thông báo hoặc văn bản xin lỗi đến tổ chức, cá nhân (<i>nếu hồ sơ quá hạn</i>), Phiếu kiểm soát quy trình giải quyết hồ sơ |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC: | | | 19 ngày làm việc | |

Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

| Trình tự thực hiện | Nội dung công việc | Trách nhiệm thực hiện | Thời gian thực hiện (ngày/ngày làm việc) | Kết quả/sản phẩm |
|--------------------|--|--|--|---|
| Bước 1 | <p>1.1. Kiểm tra, xác thực tài khoản điện tử: Kiểm tra tài khoản của cá nhân, tổ chức. Trường hợp tổ chức, cá nhân chưa có tài khoản thì tạo hoặc hướng dẫn đăng ký trên Cổng DVCQG. <i>(Lưu ý: Trường hợp ủy quyền thì đăng ký tài khoản của người ủy quyền).</i></p> <p>1.2. Số hóa hồ sơ TTHC: + Kiểm tra dữ liệu điện tử của các thành phần hồ sơ. + Phân loại thành phần hồ sơ cần số hóa. + Scan hoặc sao chụp chuyển thành tệp tin trên hệ thống + Ký số tài liệu để chuyển cho bộ phận xử lý.</p> | <p>Công chức, nhân viên tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p> | <p>¼ ngày làm việc</p> | <p>Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả/phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ/phiếu kiểm soát quy trình giải quyết hồ sơ <i>(kèm theo toàn bộ hồ sơ)</i>. Hồ sơ được số hóa tại bước tiếp nhận</p> |
| Bước 2 | <p>Phân công xử lý</p> | <p>Lãnh đạo Phòng Thanh tra – pháp chế</p> | <p>½ ngày làm việc</p> | <p>Phiếu kiểm soát quy trình giải quyết hồ sơ (kèm theo toàn bộ hồ sơ của TTHC)</p> |
| Bước 3 | <p>Xem xét, thẩm định hồ sơ</p> | <p>Chuyên viên phòng Thanh tra – pháp chế</p> | <p>17 ngày làm việc</p> | <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Phiếu yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đầy đủ, Phiếu kiểm soát quy trình giải quyết hồ sơ <i>(kèm theo toàn bộ hồ sơ)</i> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Công nhận kết quả thẩm định, thông báo kết quả thẩm định đạt yêu cầu tới cơ sở, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV/ Thông báo cơ sở không</p> |

| | | | | |
|---------------|---|-------------------------------------|-----------------|---|
| | | | | đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV/ thông báo hoặc văn bản xin lỗi đến tổ chức, cá nhân (<i>nếu hồ sơ quá hạn</i>), Phiếu kiểm soát quy trình giải quyết hồ sơ. |
| Bước 4 | Xem xét, trình lãnh đạo cơ quan phê duyệt | Lãnh đạo phòng Thanh tra – pháp chế | ½ ngày làm việc | Công nhận kết quả thẩm định, thông báo kết quả thẩm định đạt yêu cầu tới cơ sở, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV/ Thông báo cơ sở không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV/ thông báo hoặc văn bản xin lỗi đến tổ chức, cá nhân (<i>nếu hồ sơ quá hạn</i>), Phiếu kiểm soát quy trình giải quyết hồ sơ |
| Bước 5 | Phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính | Lãnh đạo đơn vị | ½ ngày làm việc | Công nhận kết quả thẩm định, thông báo kết quả thẩm định đạt yêu cầu tới cơ sở, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV/ Thông báo cơ sở không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV/ thông báo hoặc văn bản xin lỗi đến tổ chức, cá nhân (<i>nếu hồ sơ quá hạn</i>), Phiếu kiểm soát quy trình giải quyết hồ sơ |
| Bước 6 | Chuyển kết quả giải quyết thủ tục hành chính | Văn thư | ¼ ngày làm việc | Công nhận kết quả thẩm định, thông báo kết quả thẩm định đạt yêu cầu tới cơ sở, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV/ Thông báo cơ sở không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận |

| | | | | |
|--|--|--|-----------------------------------|--|
| | | | | <p> cơ sở đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV/ thông báo hoặc văn bản xin lỗi đến tổ chức, cá nhân (<i>nếu hồ sơ quá hạn</i>), Phiếu kiểm soát quy trình giải quyết hồ sơ</p> |
| Bước 7 | <p>Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và thu phí, lệ phí theo quy định</p> | <p>Công chức, nhân viên tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p> | <p>Theo phiếu hẹn trả kết quả</p> | <p>Công nhận kết quả thẩm định, thông báo kết quả thẩm định đạt yêu cầu tới cơ sở, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV/ Thông báo cơ sở không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV/ thông báo hoặc văn bản xin lỗi đến tổ chức, cá nhân (<i>nếu hồ sơ quá hạn</i>), Phiếu kiểm soát quy trình giải quyết hồ sơ</p> |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC: | | | 19 ngày làm việc | |